

Số: 63 /QĐ-SNN

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 2 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai dự toán ngân sách sự nghiệp năm 2021 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số 36/QĐ-SNN ngày 29/01/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán ngân sách sự nghiệp năm 2021 cho Văn phòng sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng sở.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách sự nghiệp năm 2021 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Sở và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Giám đốc, phó gđ sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu :VT, KT.

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đức Nhân




## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: **03** /QĐ-SNN ngày **05** / 2 / 2021 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh. )

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1	Lệ phí thẩm định TK BVTC	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.895.964</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp loại 280 khoản 281</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.895.964
<b>2</b>	<b>Kinh phí đào tạo</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	

Ghi chú : - Kinh phí sự nghiệp ngành Nông nghiệp và PTNT ( Có chi tiết kèm theo)


**CHI TIẾT DỰ TOÁN SỰ NGHIỆP NĂM 2021**  
**ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

*ĐVT: 1.000 đ*

TT	Nội dung	Kinh phí
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.895.964</b>
1	Thi đua, khen thưởng toàn ngành	40.000
2	Hoạt động KH công nghệ; Hội đồng xét đề tài sáng kiến ngành	40.000
3	Tham quan học tập các tỉnh bạn và hội thảo toàn ngành	200.000
4	Đào tạo, tập huấn toàn ngành	60.000
5	Hỗ trợ KP hoạt động phục vụ các công tác chung của ngành	360.000
6	Hỗ trợ KP xúc tiến đầu tư, kinh tế đối ngoại; xúc tiến các dự án mới đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	40.000
7	Phổ biến tuyên truyền pháp luật chuyên ngành, kinh phí tiếp dân; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động thanh tra chuyên ngành	120.000
8	Trang Web của Ngành; truyền hình nông nghiệp nông thôn	110.000
9	Sửa chữa, mua sắm thiết bị phục vụ toàn ngành	170.000
10	Hỗ trợ nghiệp vụ chuyên ngành	50.000
11	Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật; kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật hỗ trợ pháp lý cho DN	30.000
12	Kinh phí chỉnh lý tài liệu	30.000
13	Kinh phí tham mưu chỉ đạo, theo dõi đánh giá thực hiện Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp; thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	140.000
14	Hỗ trợ KP cải cách hành chính	60.000

TT	Nội dung	Kinh phí
15	Kinh phí kiểm tra công tác tài chính, quyết toán và quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Sở; kiểm tra, tham gia góp ý các quy hoạch, đề án; rà soát, đề xuất danh mục các dự án đầu tư	50.000
16	Kinh phí tổ chức các hoạt động phong trào thi đua toàn ngành Nông nghiệp	100.000
17	Kinh phí kiện toàn sắp xếp bộ máy theo ND số 107/2020/ND-CP ngày 14/9/2020 và Nghị định 120/2020/ND-CP	60.000
18	Kinh phí chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp theo TT 18/2020/TT-BNNPTNT; Xây dựng Đề án xét hoặc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho viên chức	60.000
19	Kinh phí chỉ đạo kiểm tra các công trình xây dựng	50.000
20	Phối hợp, tổ chức thu thập xử lý tổng hợp xây dựng thông tin thống kê về các chỉ tiêu thuộc hệ thống TT Thống kê ngành NN và PTNT theo quy định tại Thông tư số 16/2020/TT-BNNPTNT, số 17/2020/TT-BNNPTNT và gắn với điều tra thu thập tham mưu triển khai lộ trình nhân rộng hệ thống giám sát đánh giá cơ cấu lại Nông nghiệp theo QĐ số 5430/QĐ-BNNPTNT ngày 31/12/2020	50.000
21	Kinh phí xây dựng dữ liệu hồ sơ cán bộ	50.000
22	Kinh phí thực hiện kế hoạch khuyến nông	25.964